TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyên Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Giang;
Bà Vy Thị Thơm.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị B, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn T, sinh năm 1997, cư trú tại: Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/5/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lưu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T được tự do tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm thì tự nguyện kết hôn. Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Đến ngày 20/12/2017, chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi sinh con đầu lòng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Anh Nông Văn T không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, sa vào tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy. Chị Lưu Thị B có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Nông Văn T không thay đổi. Do đó, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm. Thời gian ly thân, chị Lưu Thị B về sống với bố mẹ đẻ ở Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn còn anh Nông Văn T sống ở Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lưu Thị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, không thể chung sống với nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nông Đức M, sinh ngày 21/10/2017 và cháu Nông Đức T, sinh ngày 27/02/2020. Hiện nay cháu Nông Đức M đang sống với anh Nông Văn T và bố mẹ đẻ của anh Nông Văn T, cháu học tại trường Tiểu học xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cháu Nông Đức T đang sống với chị Lưu Thị B tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Lưu Thị B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Đức T, sinh ngày 27/02/2020; yêu cầu anh Nông Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Đức M, sinh ngày 21/10/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì mỗi người đã trực tiếp nuôi dưỡng 01 con. Chị Lưu Thị B làm lao động tự do, có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở tại nhà bố mẹ đẻ, được bố mẹ đẻ là ông Lưu Văn Lvà bà Nguyễn Thị Q hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung gì và không vay nợ ai.

Bị đơn anh Nông Văn T đã được biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình do chị Lưu Thị B và gia đình anh Nông Văn T thông báo. Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2022, bố đẻ anh Nông Văn T là ông Nông Văn T trình bày: Anh Nông Văn T và chị Lưu Thị B được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, tự nguyện đăng ký kết hôn từ năm 2017. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nông Đức M, sinh ngày 21/10/2017 và cháu Nông Đức T, sinh ngày 27/02/2020. Sau khi sinh con đầu lòng thì vợ chồng chị Lưu Thị B, anh Nông Văn T thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Đến năm 2021, vợ chồng anh Nông Văn T và chị Lưu Thị B sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, cháu Nông Đức M do anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, có bố mẹ đẻ hỗ trợ anh Nông Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nông Đức M. Cháu Nông Đức T sống với chị Lưu Thị B tại nhà bố mẹ đẻ tại Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Việc chị Lưu Thị B yêu cầu ly hôn thì anh Nông Văn T thông tin lại cho ông Nông Văn T biết là anh đồng ý ly hôn với chị Lưu Thị B nhưng do đi làm ăn xa nên không đến Tòa án giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Về con chung: Anh Nông Văn T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nông Đức M đến khi con đủ 18 tuổi, anh làm lao động tự do có thu nhập khoảng 8 - 10 triệu/tháng nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh

Nông Văn T không yêu cầu chị Lưu Thị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Nông Văn T không tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Chị Lưu Thị B xin ly hôn với anh Nông Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Về con chung: Thấy rằng anh Nông Văn T có chỗ ở, có thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng ly thân anh Nông Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và được bố mẹ đẻ hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nông Đức M đến nay nên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cháu Nông Đức M cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Cháu Nông Đức T do chị Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, có bố mẹ đẻ hỗ trợ. Cháu Nông Đức T, sinh ngày 27/02/2020, chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của nguyên đơn chị Lưu Thị B. Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự đều chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nông Văn T đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng không có mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nông Văn T.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; bị đơn anh Nông Văn T, cư trú tại Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 20/12/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Thời gian ly thân, không ai có hành động hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T có 02 con chung là cháu Nông Đức M, sinh ngày 21/10/2017 và cháu Nông Đức T, sinh ngày 27/02/2020. Hiện nay cháu Nông Đức M đang sống với anh Nông Văn T và học tại trường Tiểu học xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cháu Nông Đức T sống với chị Lưu Thị B tại nhà bố mẹ đẻ tại Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cả chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T đều có việc làm, có thu nhập và chỗ ở ổn định, được bố mẹ đẻ hỗ trợ, giúp đỡ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T đều có ý kiến thống nhất để anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Đức M, sinh ngày 21/10/2017 đến khi con đủ 18 tuổi; chị Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nông Đức T, sinh ngày 27/02/2020; không ai phải cấp dưỡng nuôi con vì mỗi người đã trực tiếp nuôi 01 con. Để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện nên giao con chung là cháu Nông Đức M, sinh ngày 21/10/2017 cho anh Nông Văn T, giao con chung là cháu Nông Đức T, sinh ngày 27/02/2020 cho chị Lưu Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự đều chưa yêu cầu. Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ

ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến phát biểu, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị B được ly hôn với anh Nông Văn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 29 đăng ký ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn)

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Đức M, sinh ngày 21/10/2017 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung là cháu Nông Đức T, sinh ngày 27/02/2020 cho chị Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lưu Thị B, anh Nông Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do người trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu. Chị Lưu Thị B, anh Nông Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lưu Thị B và anh Nông Văn T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lưu Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lưu Thị B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005130, ngày 30/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

Nông Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang